



SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)  
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/  
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province  
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071  
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số/No.: 773/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà máy Mã số/Code: 250818/28
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Công Ty CPCN Diễn Châu
- Mô tả mẫu/Description: 500ml/chai nhựa kín x 02chai, 250mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/Unit requesting sample: Công Ty CPCN Diễn Châu  
Xã Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 07/8/2025
- Người giao mẫu/Sample delivery man : Bs Hà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 07/8/2025 đến 27/8/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

| TT No.                     | Tên chỉ tiêu Characteristic        | Đơn vị Unit | Phương pháp thử Test method | Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA) | Kết quả Result      |
|----------------------------|------------------------------------|-------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
| Các thông số nhóm A        |                                    |             |                             |                                                          |                     |
| Thông số vi sinh vật       |                                    |             |                             |                                                          |                     |
| 1                          | Coliforms*                         | CFU/100 mL  | TCVN 6187-1:2019            | <3                                                       | KPH                 |
| 2                          | E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt | CFU/100 mL  | TCVN 6187-1:2019            | <1                                                       | KPH                 |
| Thông số cảm quan và vô cơ |                                    |             |                             |                                                          |                     |
| 3                          | Clo dư tự do                       | mg/L        | HANNA – HI 96701            | 0,2 – 1,0                                                | 0,5                 |
| 4                          | Độ đục*                            | NTU         | TCVN 12402-1:2020           | 2                                                        | 0,97                |
| 5                          | Màu sắc*                           | TCU         | TCVN 6185 - 2015            | 15                                                       | 0,0                 |
| 6                          | Mùi, vị                            |             | Cảm quan                    | Không có mùi, vị lạ                                      | Không có mùi, vị lạ |
| 7                          | pH*                                |             | TCVN 6492:2011              | 6,0 – 8,5                                                | 7,06                |

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Nghệ An, ngày 27 tháng 08 năm 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LAB

TRƯỞNG KHOA  
HEAD OF DEPARTMENT

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Phạm Đình Du

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thuý Trinh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật: Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/\*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/\*\*Tests are use subcontractors





SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/  
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province  
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071  
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số/No.: 774/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 250818/29
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Thành Vinh  
xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description : 500ml/chai nhựa kín x 02chai, 250mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/Unit requesting sample: Công Ty CPCN Diễn Châu  
Xã Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 07/8/2025
- Người giao mẫu/Sample delivery man : Bs Hà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 07/8/2025 đến 27/8/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

| TT<br>No.                  | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic        | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Giới hạn tối đa<br>cho phép<br>Regular limit<br>(QCDP<br>01:2021/NA) | Kết quả<br>Result      |
|----------------------------|---------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Các thông số nhóm A        |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| Thông số vi sinh vật       |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| 1                          | Coliforms*                            | CFU/100 mL     | TCVN 6187-1:2019               | <3                                                                   | KPH                    |
| 2                          | E. coli * hoặc<br>Coliform chịu nhiệt | CFU/100 mL     | TCVN 6187-1:2019               | <1                                                                   | KPH                    |
| Thông số cảm quan và vô cơ |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| 3                          | Clo dư tự do                          | mg/L           | HANNA – HI 96701               | 0,2 – 1,0                                                            | 0,56                   |
| 4                          | Độ đục*                               | NTU            | TCVN 12402-1:2020              | 2                                                                    | 0,9                    |
| 5                          | Màu sắc*                              | TCU            | TCVN 6185 - 2015               | 15                                                                   | 0,0                    |
| 6                          | Mùi, vị                               |                | Cảm quan                       | Không có mùi,<br>vị lạ                                               | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7                          | pH*                                   |                | TCVN 6492:2011                 | 6,0 – 8,5                                                            | 7,13                   |

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Nghệ An, ngày 27 tháng 08 năm 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LAB

TRƯỞNG KHOA  
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Phạm Đình Du

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thuý Trinh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /  
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/  
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- \*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/\*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
- \*\*Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/\*\*Tests are use subcontractors





SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT  
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/  
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province  
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071  
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số/No.: 775/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà dân Mã số/Code: 250818/30
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Mitsubight Kim Liên  
xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description : 500ml/chai nhựa kín x 02chai, 250mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu/Unit requesting sample: Công Ty CPCN Diễn Châu  
Xã Diễn Châu – Tỉnh Nghệ An
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 07/8/2025
- Người giao mẫu/Sample delivery man : Bs Hà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 07/8/2025 đến 27/8/2025
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

| TT No.                     | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic        | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Giới hạn tối đa<br>cho phép<br>Regular limit<br>(QCDP<br>01:2021/NA) | Kết quả<br>Result      |
|----------------------------|---------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Các thông số nhóm A        |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| Thông số vi sinh vật       |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| 1                          | Coliforms*                            | CFU/100 mL     | TCVN 6187-1:2019               | <3                                                                   | KPH                    |
| 2                          | E. coli * hoặc<br>Coliform chịu nhiệt | CFU/100 mL     | TCVN 6187-1:2019               | <1                                                                   | KPH                    |
| Thông số cảm quan và vô cơ |                                       |                |                                |                                                                      |                        |
| 3                          | Clo dư tự do                          | mg/L           | HANNA – HI 96701               | 0,2 – 1,0                                                            | 0,38                   |
| 4                          | Độ đục*                               | NTU            | TCVN 12402-1:2020              | 2                                                                    | 0,91                   |
| 5                          | Màu sắc*                              | TCU            | TCVN 6185 - 2015               | 15                                                                   | 0,0                    |
| 6                          | Mùi, vị                               |                | Cảm quan                       | Không có mùi,<br>vị lạ                                               | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7                          | pH*                                   |                | TCVN 6492:2011                 | 6,0 – 8,5                                                            | 7,16                   |

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Nghệ An, ngày 27 tháng 08 năm 2025

PHÒNG KIỂM NGHIỆM  
LAB

TRƯỞNG KHOA  
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC  
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thuý Trinh

Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /  
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/  
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/\*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/\*\*Tests are use subcontractors